

Số: 129/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Văn Đức

Ông Lý Đình Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Ninh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2022/QĐXX-ST ngày 6/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2022/QĐST- HNGĐ ngày 22/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Lê T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 2, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động ở nước ngoài, không rõ địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của chị H ở Việt Nam: Thôn N, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn anh Phan Lê T, trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Tạ Thị H kết hôn với nhau ngày 19/6/2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Trước khi kết hôn anh và chị H có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có được sự đồng ý của 02 bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn chị H đã về gia đình anh làm dâu ngay, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng hơn 01 năm. Năm 2014, anh làm công nhân ở khu công nghiệp Q, tỉnh Bắc Ninh còn chị H về thôn N, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang sinh sống cùng với bố mẹ đẻ. Anh và chị H cũng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không có liên lạc gì hay quan hệ tình cảm gì. Năm 2017 anh làm thủ tục đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, sau khi anh sang Đài Loan khoảng 4 đến 5 tháng sau chị H cũng làm thủ tục đi xuất khẩu lao động Đài Loan, vợ chồng cũng không có sự liên lạc với nhau. Vợ chồng cũng đã sống ly thân từ lâu, nay tình cảm vợ chồng không còn anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tạ Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Lê Ngọc M, sinh ngày 31/8/2014. Vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu M cho anh nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn chị Tạ Thị H không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 20/5/2022 và 21/6/2022, bà Nguyễn Thị Đ là mẹ đẻ chị H cung cấp: Chị Tạ Thị H hiện nay đang lao động, cư trú ở Đài Loan. Chị Tạ Thị H và vẫn thường xuyên liên lạc về hỏi thăm gia đình qua điện thoại, gia đình bà có thông báo cho chị H biết về việc anh Phan Lê T có đơn xin ly hôn, chị H đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Gia đình bà đã nhiều lần hỏi về địa chỉ cụ thể của chị H ở Đài Loan, nhưng chị H không cung cấp để bà cung cấp cho Tòa án. Ngoài ra, bà Đ trình bày cháu Phan Lê Ngọc M là con anh T, chị H hiện đang ở cùng gia đình bà, do gia đình bà chăm sóc và nuôi dưỡng, vợ chồng anh T, chị H ly hôn việc nuôi cháu M là do vợ chồng anh T, chị H quyết định, bà không có ý kiến gì trong thời gian cháu M chung sống với gia đình bà, gia đình bà chi phí chăm sóc, bà không có yêu cầu gì, bà xin từ chối tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án không triệu tập khi giải quyết vụ án ly hôn giữa anh T và chị H vì bà và gia đình bà không có quyền lợi gì.

Cháu Phan Lê Ngọc M trình bày: Cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Tại phiên tòa, anh Phan Lê T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Tạ Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02, nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Phan Lê T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn anh Phan Lê T có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Tạ Thị H không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị H. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị H là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Lê T. Xử cho anh Phan Lê T được ly hôn chị Tạ Thị H.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Phan Lê Ngọc M, sinh ngày 31/8/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Phan Lê T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Phan Lê T khởi kiện xin ly hôn chị Tạ Thị H. Theo Công văn trả lời số 11079/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 27/5/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, chị Tạ Thị H xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh lần gần đây nhất là ngày 25/6/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, chị H được xác định là đang ở nước ngoài. Ngoài ra, lời khai của nguyên đơn anh T, bà Nguyễn Thị Đ là mẹ đẻ chị H xác định được nơi cư trú cuối cùng của chị H ở Việt Nam trước khi xuất cảnh lần gần nhất là: thôn N, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án về “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” có đương sự ở nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt đương sự: anh Phan Lê T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

Đối với bị đơn Chị Tạ Thị H vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã lập biên bản làm việc với mẹ đẻ của chị H là bà Nguyễn Thị Đ để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà Đ thông báo cho chị H biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Phan Lê T và chị Tạ Thị H. Bà Đ cho biết chị H vẫn thường xuyên

liên lạc về gia đình, nhưng chị H không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Lê T và chị Tạ Thị H kết hôn ngày 19/6/2013, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh T khởi kiện xin ly hôn chị H.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận. Đến năm 2017 chị H xuất cảnh ra nước ngoài lao động. Do hai vợ chồng sống cách xa nhau, không có sự thăm hỏi chăm sóc nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị H đã không còn, hai người sống cách xa nhau, không quan tâm gì đến nhau. Do đó, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng xin ly hôn của anh T là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị H là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về nuôi con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Phan Lê Ngọc M, sinh ngày 31/8/2014. Hiện nay con chung đang ở bà Đ là mẹ đẻ chị H, ly hôn anh đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh T: Hội đồng xét xử thấy hiện nay cháu M đang ở cùng bà Đ là mẹ đẻ chị H, cháu M có nguyện vọng được ở cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Tuy nhiên, chị H là mẹ đẻ cháu M đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T đang ở Việt Nam việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi vợ chồng ly hôn là nghĩa vụ của cha, mẹ theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Hiện nay chị H đang lao động ở nước ngoài nên anh T phải có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu được nuôi con chung của anh T là có căn cứ chấp nhận. Nên căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao anh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phan Lê Ngọc M, sinh ngày 31/8/2014 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn chị Tạ Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp chị Tạ Thị H về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Phan Lê T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Phan Lê T được ly hôn chị Tạ Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Phan Lê Ngọc M, sinh ngày 31/8/2014 cho anh T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị Tạ Thị H được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Phan Lê T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0000425 ngày 17/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Phan Lê T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Tạ Thị H đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An;
- Cổng thông tin điện tử TAND;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

Hoàng Thị Thu Hiền

